

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Tuấn Đức

Bà Nguyễn Thu Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc “xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 6, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng Ng, sinh năm 1988 (xin vắng)

Địa chỉ: 2 32A A, BC V, Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trọng Ng lập thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu chúng tôi sống với nhau hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng mâu thuẫn gay gắt do bất đồng quan điểm trong lối sống. Thời gian mâu thuẫn đã kéo dài khoảng mấy năm nay, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, hiện nay đã sống ly thân. Mặc dù cha mẹ hai bên đã nhiều lần hoà giải để hàn gắn nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau. Thiết nghĩ, cuộc sống vợ chồng đã mâu thuẫn gay gắt, trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục đời sống vợ chồng với nhau được nữa nên chị xin ly hôn với anh Ng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ng Trần Thiên P (nam), sinh ngày 15/5/2016, hiện tại đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại “Ý kiến về việc xin ly hôn” đề ngày 07/01/2021 đứng tên Nguyễn Trọng Ng, thể hiện nội dung:

Về hôn nhân: Anh Ng và chị N cưới nhau và có đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Ban đầu cưới nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc, càng về sau này vợ chồng sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm. Do đó, anh đồng ý yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Ng Trần Thiên P (nam), sinh ngày 15/5/2016. Anh đồng ý giao con cho chị N nuôi sau khi ly hôn, đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hoàn cảnh làm ăn xa, không về Việt Nam để tham gia phiên tòa được nên anh xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa: Chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Ng, không có yêu cầu nào khác đặt ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về phía đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn với anh Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N xin ly hôn anh Nguyễn Trọng Ng được xác định là tranh chấp về việc xin ly hôn; bị đơn hiện nay đang sinh sống ở nước ngoài. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N có đơn xin từ chối tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; anh Ng có yêu cầu xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Trọng Ng.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Trọng Ng có lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, vào Sổ đăng ký kết hôn số: 54/2015, quyển số 01/2014 ngày 23/3/2015. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của hai đương sự được pháp luật Việt Nam công nhận là vợ chồng.

Xét đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị N, lý do ly hôn là vợ chồng mâu thuẫn gay gắt do bất đồng quan điểm trong lối sống, thời gian mâu thuẫn đã kéo dài khoảng mấy năm nay, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, hiện nay đã sống ly thân. Anh Ng có ý kiến đồng ý ly hôn do vợ chồng sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm. Hội đồng xét xử nhận thấy qua lời trình bày của hai đương sự

đều xác nhận mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cũng không mang lại hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn đối với anh Ng.

[3] Về con chung: Theo chị N và anh Ng trình bày thì anh, chị có 01 con chung là Ng Trần Thiên P (nam), sinh ngày 15/5/2016, hiện tại đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, anh Ng đồng ý giao con cho chị N nuôi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của hai đương sự nên được chấp nhận, giao cháu P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ng không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Xét về cấp dưỡng: *Tại Ý kiến về việc xin ly hôn đề ngày 07/01/2021*, anh Ng đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2020 và tại phiên tòa chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng khi đương sự không yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền tự định đoạt của đương sự.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N, anh Ng xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã dự nộp được chuyển thu.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 37, 147, 207, 227, 228 và Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Trọng Ng.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Trần Thiên P (nam), sinh ngày 15/5/2016 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Trọng Ng không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng, ngày 15/12/2020 chị N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000090 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Sở tư pháp tỉnh Cà Mau;
- UBND xã P, huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền